TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2019/HS-PT
Ngày: 22-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng
Các Thẩm phán: Ông Phan Minh Dũng
Ông Huỳnh Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Huy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khanh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 95/2019/TLPT-HS ngày 26-7-2019 đối với các bị cáo Nguyễn Hoài N, Huỳnh Thị Phương D2, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hoài N, Huỳnh Thị Phương D2 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 81/2019/HSST ngày 19-6-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

** Các bị cáo kháng cáo.*

1. Họ và tên: **Nguyễn Hoài N**, sinh năm 1991, tại tỉnh Tiền Giang. Nơi ĐKHKTT và cư trú: Ấp OC, xã TT, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Buôn bán. Học vấn: 8/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1969. Con bà: Nguyễn Thị Mai E, sinh năm 1972. Vợ: Đặng Thị Ng, sinh năm 1993, có 01 người con sinh năm 2013, hiện đều trú tại: Ấp OC, xã TT, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 30-10-2018, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt. Có mặt.

2. Họ và tên: **Huỳnh Thị Phương D2** (Tên gọi khác: Thu Em), sinh năm 1985, tại tỉnh Tiền Giang. Nơi ĐKHKTT và cư trú: Ấp MX, xã TT, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Buôn bán. Học vấn: 4/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Con ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1958. Con bà Bùi Thị S, sinh năm 1960. Chồng: Hồ Văn T, sinh năm 1985. Có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm

2017. Hiện đều trú tại: Ấp MX, xã TT, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Trong vụ án này còn có bị cáo Nguyễn Văn D, bị hại vợ chồng anh Lê Anh Khoa, chị Vương Thị Thúy Kim; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Toàn không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Hoài N và bị cáo Huỳnh Thị Phương D cùng mặc đồ tu hành và giả làm người tu hành để dễ bán nhang tại thành phố Đà Lạt. Trong quá trình giả danh làm người tu hành, các bị cáo D , bị cáo N và bị cáo D2 đã cùng nhau bàn bạc, dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của vợ chồng anh Lê Anh Khoa, chị Vương Thị Thúy Kim nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 23-9-2018, bị cáo N đến tiệm cắt tóc Khoa Anh của bị hại anh Khoa (*Số 128 Nguyễn Công Trứ, phường 8, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng*) tự xưng là người tu hành tu tại chùa Đại Ninh, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng có pháp danh Thích Minh Tâm và xin tiền công đức.

Quá trình nói chuyện, bị cáo N thấy chị Kim (*Vợ của anh Khoa*) đang mang thai, bị cáo N nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, nói với anh Khoa là chị Kim bị vong theo, yêu cầu anh Khoa đưa 7.000.000 đồng để làm mâm cúng gửi vong về chùa. Anh Khoa tin tưởng đồng ý và đưa 7.000.000đ tiền mâm cúng và 2.000.000đ tiền công, tổng cộng bị cáo N chiếm đoạt của anh Khoa số tiền 9.000.000đ, số tiền này bị cáo N đã tiêu xài cá nhân hết.

Lần 2: Sau khi đã lừa anh Khoa chiếm đoạt số tiền trên, bị cáo N gặp bị cáo D và bị cáo D2 kể lại việc đã lừa đảo. Thấy vậy, bị cáo D , bị cáo D2 xin tham gia, sau đó cùng bàn bạc bị cáo D sẽ tự xưng pháp danh là Thích Huệ Tâm là sư phụ của bị cáo Nam, tu tại chùa Hoàng Pháp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo N là có pháp danh là Thích Minh Tâm tu ở chùa Đại Ninh, còn bị cáo D2 tự sưng là phật tử đi theo.

Ngày 27-9-2018, bị cáo N chở bị cáo D bằng chiếc xe hiệu Yamaha Sirius màu đen trắng, biển số 63B6-103.85; bị cáo D2 điều khiển xe hiệu Honda Wave màu đỏ, biển số 63B6-11704 đến tiệm cắt tóc của anh Khoa. Khi đến, bị cáo D nói với vợ chồng anh Khoa là mình có khả năng coi vong và đưa vong về chùa, nên bị hại anh Khoa, chị Kim đưa Dứt đi xem nhà và thử vong. Bị cáo D nói bị hại chị Kim "*Bị vong theo rất nặng*", yêu cầu vợ chồng anh Khoa đưa 28.000.000đ để tiếp tục cúng đưa vong về chùa. Tuy nhiên, do lần trước bị cáo N đã nhận 7.000.000đ, nên bị cáo D nói với bị hại anh Khoa là chỉ cần đưa 21.000.000đ để cúng theo tuổi âm của bị hại chị Kim là 28 tuổi. Nghe bị cáo D nói vậy, anh Khoa đồng ý và đưa cho bị cáo D số tiền 21.000.000đ. Sau khi lấy được tiền các bị cáo D , bị cáo N và bị cáo D2 chia nhau mỗi người 7.000.000đ.

Lần 3: Sau khi đã lấy tiền ở lần thứ 2 về, bị cáo N và bị cáo D vẫn thường xuyên liên lạc hỏi thăm bị hại về công việc, anh Khoa có nói là tiệm vắng khách nên bị cáo D tiếp tục nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Khoa. Bị cáo D nói với bị hại anh Khoa là để xin tổ cho tài lộc.

Sau khoảng vài ngày, bị cáo D gọi lại cho bị hại anh Khoa nói đã xin được tài lộc và đưa ra cho bị hại anh Khoa 3 gói mâm cúng Tiểu Lộc 79.000.000đ, Trung Lộc 99.000.000đ và Đại Lộc 199.000.000đ, số tiền của 03 gói mâm cúng bị cáo D sẽ không nhận mà chỉ để cúng, sau khi cúng xong bị hại anh Khoa lấy sử dụng thì việc làm ăn thuận lợi nên bị hại anh Khoa đồng ý và hẹn bị cáo D ngày 14-10-2018 đến cúng.

Ngày 13-10-2018, bị cáo D đến Chợ Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng mua 01 xấp tiền âm phủ có độ dày gần bằng một xấp tiền 199.000.000đ, 01 tấm khăn màu đỏ, sau đó bị cáo D cắt làm đôi thành 02 mảnh với mục đích, một mảnh bị cáo D sẽ gói tiền âm phủ, còn một mảnh còn lại để bị cáo D sẽ gói tiền thật. bị cáo D tiếp tục rủ bị cáo N và bị cáo D2 đến tiệm của bị hại anh Khoa để thực hiện hành vi lừa đảo thì bị cáo N và bị cáo D2 đồng ý.

Đến sáng ngày 14-10-2018, bị cáo D , bị cáo N và bị cáo D2 mặc quần áo tu hành cùng đến nhà bị hại anh Khoa; bị cáo D mang theo giỏ xách màu vàng bên trong đựng 02 mảnh vải màu đỏ, 01 xấp tiền âm phủ đã chuẩn bị sẵn. Bị cáo D chở bị cáo Duyên, còn bị cáo N đi xe máy một mình. Trên đường đi, bị cáo N, bị cáo D và bị cáo D2 có ghé quán nước ở chân đèo Prenn, Đà Lạt để uống nước. Bị cáo D2 nói mệt nên bị cáo D nói "*Mệt thì nằm nghỉ đợi, chỉ cần hai người đi được rồi*", bị cáo D2 đồng ý và nói "*Các anh cứ đi đi, cúng được bao nhiêu thì về chia bao nhiêu thì chia*", sau đó bị cáo D và bị cáo N đồng ý. Khi đến nơi, bị cáo N ngồi đợi ở gần quầy của tiệm còn bị cáo D nói chuyện với vợ chồng bị hại anh Khoa, xuống nhà dưới để tiến hành cúng. Bị cáo D yêu cầu bị hại anh Khoa bỏ số tiền 199.000.000đ là tiền thật mà bị hại anh Khoa đã chuẩn bị vào trong mảnh khăn màu đỏ mà bị cáo D trải sẵn trên chiếu rồi đậy lại và để lên trên bàn. Bị cáo D nói vợ chồng bị hại anh Khoa lạy bốn phương tám hướng để làm lễ; lợi dụng lúc vợ chồng bị hại anh Khoa không để ý, bị cáo D tráo đổi tiền thật 199.000.000đ thành gói tiền âm phủ mà bị cáo D đã chuẩn bị sẵn, rồi đậy lại như ban đầu và để lại lên bàn. Sau khi làm lễ xong, bị cáo D nói bị hại anh Khoa cất đĩa đựng tiền âm phủ vào tủ khóa lại; bảy ngày sau thì mở ra sử dụng để làm ăn thuận lợi. Sau khi làm lễ xong, bị cáo D và bị cáo N cất số tiền chiếm đoạt vào trong túi xách và ra về.

Sau khi chiếm đoạt được số tiền 199.000.000đ, bị cáo D đã rút ra số tiền 120.000.000đ cất đi, bị cáo N chở bị cáo D quay lại quán cà phê ở chân đèo Prenn để đón bị cáo D2 đang chờ, sau cả ba ghé vào một quán cà phê ở Phi Nôm, huyện Đức Trọng. Tại đây, bị cáo D nói với bị cáo N và bị cáo D2 là chiếm đoạt được của bị hại anh Khoa 79.000.000đ, bị cáo D chia cho bị cáo N và bị cáo D2 mỗi người 26.000.000đ, bị cáo D lấy 27.000.000đ.

Đến ngày 22-10-2018, bị hại anh Khoa lấy tiền trong tủ ra thì phát hiện tiền âm phủ nên đã đến Cơ quan Công an để trình báo. Ngày 26-10-2018, Cơ quan Công an triệu tập bị cáo D lên làm việc, bị cáo D đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Sau đó, bị cáo Nam, bị cáo D2 đã đến Cơ quan Công an để đầu thú.

Vật chứng thu giữ: Thu giữ của bị cáo D : 01 xe máy Yamaha sirius biển số 63B6-10.385; 01 điện thoại di đồng hiệu Nokia; 01 áo vải màu nâu; 01 bộ đồ vải gồm 01 áo và 01 quần màu xám.

Thu giữ của bị cáo N 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hoài N; 01 bộ đồ vải màu nâu; 01 túi vải màu vàng; 01 điện thoại di đồng hiệu Oppo.

Thu giữ của bị hại anh Khoa 01 tấm vải lụa màu đỏ; 01 cọc tiền âm phủ; 01 tờ giấy in hình bát quái; 01 USB chứa file hình ảnh ghi lại cảnh bị cáo D và bị cáo N mặc quần áo tu hành đến nhà.

Thu giữ của bị cáo D2 01 chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Thị Phương D.

+ Thu giữ của ông Nguyễn Minh Toàn số tiền 10.000.000đ.

Bị hại vợ chồng anh Khoa, chị Kim bị chiếm đoạt số tiền tổng cộng là 229.000.000đ. Quá trình điều tra, gia đình bị cáo D đã bồi thường 160.000.000đ, gia đình bị cáo N đã bồi thường 42.000.000đ, gia đình bị cáo D2 bồi thường 28.000.000đ cho bị hại anh Khoa, bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người liên quan anh Toàn tự nguyện giao nộp 10.000.000đ số tiền mà bị cáo D trả nợ cho anh Toàn.

Bản án số 81/2019/HSST ngày 19-6-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D, bị cáo Nguyễn Hoài N, bị cáo Huỳnh Thị Phương D2 (*Thu Em*) cùng phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (*sau đây gọi chung Bộ luật hình sự năm 2015*) đối với các bị cáo. Riêng bị cáo Huỳnh Thị Phương D được áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 .

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30-10-2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài N 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30-10-2018.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Phương D2 (*Thu Em)* 05 năm tù, thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 01-7-2019 các bị cáo Nam, bị cáo D2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm; Các bị cáo khai nhận về hành vi, thủ đoạn lừa đảo như bản án sơ thẩm đã quy kết, không thắc mắc khiếu nại gì.

Bị cáo D2 kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm quy kết bị cáo chiếm đoạt số tiền 199.000.000đ là không đúng gây bất lợi cho bị cáo. Bởi lẽ lần phạm tội này bị cáo không tham gia, chỉ biết lừa đảo chiếm đoạt và được chia số tiền 79.000.000đ, nên chỉ chịu trách nhiệm hình sự của số tiền này. Do vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo N rút kháng cáo về nội dung bản án sơ thẩm quy kết bị cáo chiếm đoạt số tiền 199.000.000đ và xác định bản án quy kết bị cáo chiếm đoạt số tiền này là đúng. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm phạt bị cáo quá nặng, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, giữ nguyên bản án sơ thẩm; chấp nhận kháng cáo của bị cáo D2; giảm cho bị cáo D2 từ 01 đến 02 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Nguyễn Văn D, bị cáo Nguyễn Hoài N và bị cáo Huỳnh Thị Phương D2 cùng mặc đồ tu hành Phật giáo và giả làm người tu hành để bán nhang tại thành phố Đà Lạt. Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 23-9-2018, bị cáo N đến tiệm cắt tóc của bị hại anh Khoa (Số 128 Nguyễn Công Trứ, phường 8, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng) tự xưng là người tu hành tu tại chùa Đại Ninh, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng có pháp danh Thích Minh Tâm và xin tiền công đức.

Khi thấy chị Kim (*Vợ của anh Khoa*) đang mang thai, bị cáo N nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, bằng cách "*Chị Kim bị vong theo*", yêu cầu đưa 7.000.000đ để làm mâm cúng gửi vong về chùa. Tin là thật, bị hại anh Khoa đồng ý và đưa số tiền 7.000.000đ cho bị cáo Nam; cho thêm bị cáo N số tiền 2.000.000đ xác định tiền công. Như vậy, bị cáo N chiếm đoạt của bị hại anh Khoa số tiền 9.000.000đ, sau đó tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi đã chiếm đoạt tiền của bị hại anh Khoa, bị cáo N kể với bị cáo D , bị cáo D2 việc lừa bị hại anh Khoa nêu trên. Do vậy, các bị cáo D, bị cáo D2 xin tham gia, tiếp tục lừa bị hại, bàn bạc đóng vai bị cáo D sẽ tự xưng là "*Sư phụ của Nam, pháp danh là Thích Huệ Tâm tu tại chùa Hoàng Pháp, huyện Hóc Môn, Thành Phố Hồ Chí Minh*"; bị cáo N có pháp danh là "*Thích Minh Tâm tu ở chùa Đại Ninh*"; bị cáo D2 tự sưng là "*phật tử"* đi theo. Do vậy, các bị cáo tiếp

tục cho rằng "*Có khả năng coi vong và đưa vong về chùa*", làm cho bị hại anh Khoa tin là thật, đưa cho các bị cáo số tiền 21.000.000đ, sau đó chia nhau mỗi bị cáo được 7.000.000đ. Như vậy, các bị cáo chiếm đoạn số tiền 21.000.000đ và phải chịu trách nhiệm chung.

Thấy việc lừa bị hại lần 2 chiếm đoạt tài sản dễ ràng, các bị cáo tiếp tục bàn bạc lừa bị hại cúng các gói mâm Tiểu Lộc, mâm Trung Lộc, mâm Đại Lộc để làm ăn thuận lợi. Các bị cáo tiếp tục chuẩn bị các công cụ như khăn mẩu đỏ, tiền âm phủ để lừa bị hại. Tuy nhiên, trên đường đi, bị cáo D2 nói mệt thì bị cáo D nói "*Mệt thì nằm nghỉ đợi, chỉ cần hai người đi được rồi*", bị cáo D2 đồng ý và nói "*Các anh cứ đi đi, cúng được bao nhiêu thì về chia bao nhiêu thì chia*", sau đó bị cáo D, bị cáo N đến nhà anh Khoa. Bị cáo D yêu cầu bị hại anh Khoa bỏ số tiền 199.000.000đ đã chuẩn bị trước đó vào trong mảnh khăn màu đỏ do bị cáo D trải sẵn trên chiếu rồi đậy lại và để lên trên bàn. Lợi dụng vợ chồng anh Khoa lạy bốn phương tám hướng để làm lễ và không để ý, bị cáo D tráo đổi số tiền thật 199.000.000đ thành gói tiền âm phủ sau đó để lại lên bàn. Sau khi làm lễ xong, bị cáo D nói bị hại anh Khoa cất đĩa đựng (*đã bị tráo là tiền âm phủ*) vào tủ khóa lại, bảy ngày sau thì mở ra sử dụng để làm ăn thuận lợi, sau đó bị cáo D và bị cáo N cất số tiền chiếm đoạt vào trong túi xách và ra về.

Sau khi chiếm đoạt được số tiền 199.000.000đ, bị cáo D lấy ra số tiền 120.000.000đ cất đi, sau đó cùng trở lại quán cà phê ở chân đèo Prenn để đón bị cáo Duyên; khi đến quán cà phê ở Phi Nôm, Đức Trọng, bị cáo D nói với bị cáo N và bị cáo D2 lấy được 79.000.000đ, sau đó chia cho Nam và Duyên mỗi người 26.000.000đ; bị cáo D lấy 27.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D2 cũng xác định việc bàn bạc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại không ấn định số tiền cần chiềm đoạt. Do vậy, bị cáo D2 kháng cáo cho rằng bị cáo chỉ chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền 79.000.000đ/199.000.000đ bị cáo D đã chiếm đoạt là không có căn cứ. Bởi lẽ, các bị cáo cùng bàn bạc, thống nhất ý chí lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại anh Khoa, nên số tiền bị cáo D , bị cáo N chiếm đoạt bao nhiêu thì các đồng phạm phải chịu trách nhiệm chung. Bị cáo D thực hiện hành vi trong phạm vi bàn bạc và không thuộc trường hợp "*Thực hiện vượt quá phạm vi bàn bạc*". Việc bị cáo D nói chiếm đoạt số tiền 79.000.000đ là do bị cáo D gian dối với bị cáo Nam, bị cáo D2 nhằm hưởng lợi nhiều hơn. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự của số tiền chiếm đoạt như bản án sơ thẩm quy kết là đúng pháp luật. Đối chiếu lời khai của bị cáo các bị cáo, lời khai của bị hại, lời khai của người liên quan; vật chứng thu giữ. Cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo D , bị cáo Nam, bị cáo D2 (*Thu Em*) cùng phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ.

[2] Xét khánh cáo của bị cáo, đối chiếu với tài liệu hồ sơ, lời khai tại phiên tòa hôm nay thể hiện hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 cho các bị cáo là phù hợp. Ngoài ra, bị

hại xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Nam, bị cáo D2 sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo D2 có ông ngoại là liệt sỹ, nên các bị cáo đã được áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, tuy bị cáo D2 xuất trình tài liệu anh ruột (Huỳnh Thanh Phong) được Nhà nước tặng huy chương chiến sĩ vẻ vang; bà cố (Trần Thị Trâm) được Nhà nước tặng thưởng bà mẹ Việt nam anh Hùng cùng thuộc trường hợp tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 và đã được cấp sơ thẩm áp dụng.

Bị cáo N thực hiện hành vi lừa đảo 03 lần, bị cáo D2 thực hiện hành vi 02 lần, nên các bị cáo Nam, bị cáo D2 bị áp dụng tình tiết tặng nặng quy định điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng quy định pháp luật. Ngoài ra, cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng Điều 17, Điều 58; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo D2 về nguyên tắc đồng phạm để quyết định mức hình phạt dưới mức thấm nhất khung hình phạt là thỏa đáng. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nuyên bản án sơ thẩm; Xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoài N, Huỳnh Thị Phương D (*Thu Em*) cùng phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo. Bị cáo D2 được áp dụng thêm các Điều 17; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài N 07 (*Bảy*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30-10-2018.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Phương D2 (*Thu Em)* 05 (*Năm*) năm tù, thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Hoài N, Huỳnh Thị Phương D2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA (1)
- TA thành phố Đà Lạt (2)
- VKS thành phố Đà Lạt (1)
- Công an thành phố Đà Lạt (1)
- Chi cục THADS Đà Lạt (1)
- Các bị cáo (*2 để thi hành*)
- Hồ sơ THAHS (2)
- Lưu hồ sơ; Án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Kim Đồng